

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21

0102
CỔ
ẢCH
KI
V
/G

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Minh Tuấn
Ông Đinh Ngọc Dũng
Bà Ngô Thị Thùy Linh
Ông Nguyễn Văn Thọ
Ông Nguyễn Anh Chiến
Ông Nguyễn Anh Chiến
Ông Nguyễn Thành Đạt
Ông Vũ Thành Huy

Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 19/06/2015)
Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 19/06/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19/06/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19/06/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19/06/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/08/2015)
Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/08/2015)
Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19/06/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Thùy Linh
Ông Đinh Ngọc Dũng
Ông Nguyễn Kim Trường
Ông Vũ Thành Huy
Ông Nguyễn Văn Thọ

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/06/2015)
Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/06/2015)
Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/06/2015)
Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/06/2015)
Phó Tổng Giám Đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Minh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Số: 128 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25/03/2016, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán liên quan đến sự hiện hữu của tài sản cố định hữu hình có giá tại ngày 01/01/2015 là 1.672.803.376 VND và tại 31/12/2015 có giá trị là 1.442.982.766 VND. Theo đó, chúng tôi không đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

56 -
TY
HỮU
DÁN
: O
TP.

1/3
H
M
/ 6/11

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề được nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán số 49/2015/BCKT-TC/AAT đề ngày 30/03/2015, với ý kiến ngoại trừ.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1450-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.248.593.401	15.402.188.697
I. Tiền	110	5	4.677.747.363	5.249.800.964
1. Tiền	111		4.677.747.363	5.249.800.964
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	563.200.000	9.745.667.733
1. Phải thu của khách hàng	131	7	563.200.000	17.750.000
2. Trả trước cho người bán	132	6	-	2.273.495.450
3. Các khoản phải thu khác	138	6	-	7.454.422.283
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.646.038	406.720.000
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	6	926.038	-
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		6.720.000	6.720.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	-	400.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.825.728.885	34.024.279
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.000.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	7.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		2.825.728.885	27.991.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.825.728.885	27.991.522
- Nguyên giá	222		4.258.595.566	1.672.803.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.432.866.681)	(1.644.811.854)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		176.000.000	176.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(176.000.000)	(176.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		-	6.032.757
1. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		-	11.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	6.021.757
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		15.074.322.286	15.436.212.976

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015 (trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		691.721.546	1.116.356.370
I. Nợ ngắn hạn	310		691.721.546	1.116.356.370
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	424.200.000
2. Phải trả người bán	312	11	542.298.550	26.842.729
3. Người mua trả tiền trước	313		50.000.000	97.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	78.813.414	96.508.353
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	13	20.609.582	471.305.288
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	14	14.382.600.740	14.319.856.606
I. Vốn chủ sở hữu	410		14.382.600.740	14.319.856.606
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(7.617.399.260)	(7.680.143.394)
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	400		15.074.322.286	15.436.212.976




Trần Minh Tuấn
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016


Vũ Thị Bích
Phụ trách kế toán


Vũ Thị Bích
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu	01	15	565.879.184	143.587.877
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		-	-
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		565.454.545	119.636.363
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
Doanh thu khác	01.9		424.639	23.951.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		565.879.184	143.587.877
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	241.162.000	196.052.794
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		324.717.184	(52.464.917)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		577.435.319	485.328.847
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		(252.718.135)	(537.793.764)
8. Thu nhập khác	31		494.116.556	2.100.824.554
9. Chi phí khác	32		178.654.287	26.561.180
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	17	315.462.269	2.074.263.374
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		62.744.134	1.536.469.610
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	-	-
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		62.744.134	1.536.469.610
14. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	19	29	698



Trần Minh Tuấn
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Bích
Phụ trách kế toán

Vũ Thị Bích
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		62.744.134	1.536.469.610
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	2		17.875.437	14.726.634
Các khoản dự phòng	3		-	(162.021.181)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(162.000.000)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		(81.380.429)	1.389.175.063
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		6.933.961.652	338.070.065
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(434.824)	221.167.890
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		-	8.106.240
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(261.478.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.852.146.399	1.695.040.439
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.000.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.807.321.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.000.000.000)	2.807.321.181
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(424.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(424.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(572.053.601)	4.502.361.620
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.249.800.964	747.439.344
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	4.677.747.363	5.249.800.964



Trần Minh Tuấn
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Bích
Phụ trách kế toán

Vũ Thị Bích
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Số 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MÁU B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm			Số dư cuối kỳ		
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay		Năm trước	Năm nay	
					Tăng	Giảm			Tăng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	22.000.000.000	22.000.000.000	-	-	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	14	-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	14	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	14	(8.390.334.164)	(7.680.143.394)	1.689.317.425	979.126.655	62.744.134	-	(7.680.143.394)	(7.617.399.260)



Trần Minh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Bích

Phụ trách kế toán

Vũ Thị Bích

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest (được đổi tên từ Công ty Cổ phần chứng khoán Hamico, gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13/03/2006 với vốn điều lệ của Công ty là 22.000.000.000 đồng; Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 45/GPĐC-UBCK ngày 19/10/2015 đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico thành Công ty Cổ phần chứng khoán SmartInvest.

Công ty có trụ sở chính (điều chỉnh) tại tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 5 người (tại ngày 31/12/2014 là 10 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Các bên liên quan

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn kế toán mới nhưng chưa áp dụng

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư này thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn, sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	03 - 10

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị của chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 1,5 năm.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

25
CƠ
H N
KIẾ
V
D

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty còn khoản lỗ lũy kế là 7.661.579.147 đồng có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	4.604.031.149	5.136.220.688
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.716.214	113.580.276
	4.677.747.363	5.249.800.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B 09-CTCK

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

Chỉ tiêu	01/01/2015			Số phát sinh trong kỳ			31/12/2015			Số dự phòng
	Tổng số 1	Số quá hạn 2	Số khó đòi 3	Tăng 4	Giảm 5	Tổng số 6	Số quá hạn 7	Số khó đòi 8		
A	17.750.000	-	-	563.200.000	(17.750.000)	563.200.000	-	-	-	
1. Phải thu của khách hàng	17.750.000	-	-	563.200.000	(17.750.000)	563.200.000	-	-	-	
2. Trả trước cho người bán	2.273.495.450	2.273.495.450	-	-	(2.273.495.450)	-	-	-	-	
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	3.334.146	(2.408.108)	926.038	-	-	-	
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5. Phải thu khác	7.454.422.283	196.257.198	-	6.812.548.500	(14.266.970.783)	-	-	-	-	
<i>Phải thu khác</i>	<i>7.454.422.283</i>	<i>196.257.198</i>	-	<i>6.812.548.500</i>	<i>(14.266.970.783)</i>	-	-	-	-	
6. Tạm ứng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tổng cộng	9.745.667.733	2.469.752.648	-	7.379.082.646	(16.560.624.341)	564.126.038	-	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Nông nghiệp và Thực phẩm HN Kinh Bắc	385.000.000	-
Ông Nguyễn Anh Chiến	178.200.000	-
Phải thu các đối tượng khác	-	17.750.000
	<u>563.200.000</u>	<u>17.750.000</u>

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn là khoản Hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2312/2015 giữa Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý SmartInvest với Công ty CP Chứng khoán SmartInvest ngày 23/12/2015, nội dung hợp đồng hợp tác đầu tư để xây dựng nhà văn phòng SmartInvest tại địa chỉ số 222+224 phố Tây Sơn và 220 Nguyễn Lương Bằng, khi dự án hoàn thành các bên sẽ phân chia diện tích sử dụng của tòa nhà.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	1.672.803.376	1.672.803.376
Mua sắm mới	2.815.612.800	2.815.612.800
Giảm do thanh lý	(229.820.610)	(229.820.610)
Tại ngày 31/12/2015	<u>4.258.595.566</u>	<u>4.258.595.566</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)	1.644.811.854	1.644.811.854
Khấu hao trong năm	17.875.437	17.875.437
Thanh lý	(229.820.610)	(229.820.610)
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.432.866.681</u>	<u>1.432.866.681</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015 (Trình bày lại)	27.991.522	27.991.522
Tại ngày 31/12/2015	<u>2.825.728.885</u>	<u>2.825.728.885</u>

Giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 01/01/2015 được trình bày lại giảm 979.126.655 đồng so với báo cáo đã được công bố cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố khấu hao lũy kế trích thiếu cho các năm trước.

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng trên sổ sách kế toán tại ngày 31/12/2015 và tại ngày 31/12/2014 là 538.593.221 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2015	176.000.000	176.000.000
Mua sắm mới	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>176.000.000</u>	<u>176.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2015	176.000.000	176.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>176.000.000</u>	<u>176.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 và tại ngày 31/12/2014 là 176.000.000 đồng.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
CT TNHH Hệ thống thông tin NH	542.298.550	-
Phải trả các đối tượng khác	-	26.842.729
	<u>542.298.550</u>	<u>26.842.729</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	78.813.414	37.268.085
Thuế thu nhập cá nhân	-	59.240.268
	<u>78.813.414</u>	<u>96.508.353</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 (trình bày lại) VND
Phải trả BHXH quận Hai Bà Trưng	-	31.534.288
Phải trả phải nộp khác	20.609.582	439.771.000
	<u>20.609.582</u>	<u>471.305.288</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lỗ sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2014	22.000.000.000	(8.390.334.164)
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	1.689.317.425
Điều chỉnh hồi tố khấu hao trích thiếu	-	(979.126.655)
Số dư tại 31/12/2014	22.000.000.000	(7.680.143.394)
Số dư tại 01/01/2015	22.000.000.000	(7.680.143.394)
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	62.744.134
Số dư tại 31/12/2015	22.000.000.000	(7.617.399.260)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2015:

Cổ phiếu phổ thông của công đồng sáng lập:	
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	2.200.000 cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	2.200.000 cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	2.200.000 cổ phiếu

15. DOANH THU

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn	565.454.545	119.636.363
Doanh thu khác	424.639	23.951.514
	565.879.184	143.587.877

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương nhân viên	230.601.658	181.326.160
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	10.560.342	14.726.634
	241.162.000	196.052.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản	162.000.000	-
Xử lý các khoản công nợ	332.116.556	-
Các khoản khác	-	2.100.824.554
Tổng thu nhập khác	494.116.556	2.100.824.554
Chi phí khác		
Xử lý các khoản công nợ	178.654.287	-
Các khoản khác	-	26.561.180
Tổng chi phí khác	178.654.287	26.561.180

Công ty xử lý các khoản công nợ tồn đọng theo biên bản hội đồng đánh giá công nợ số 01/2015/Smartsc/BB-HDDGCN ngày 31/12/2015.

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	62.744.134	1.536.469.610
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Chuyển lỗ của năm trước	(62.744.134)	(1.536.469.610)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	62.744.134	1.536.469.610
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	698
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và 31/12/2015. Do đó, chưa có điều chỉnh nào đối với lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư và giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ là các giao dịch và số dư liên quan đến các cổ đông của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Số dư với bên liên quan	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Khoản phải thu khác		
Các cổ đông khác	-	7.258.165.085
Giao dịch với bên liên quan	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu hồi tiền tạm ứng của 24 cổ đông	7.258.165.085	-
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	87.751.000	47.241.000

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay	-	424.200.000
Trừ: Tiền	4.677.747.363	5.249.800.964
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	14.382.600.740	14.319.856.606
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	4.677.747.363	-	5.249.800.964	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	563.200.000	-	7.472.172.283	-
Đầu tư dài hạn	7.000.000.000	-	-	-
Tổng cộng	12.240.947.363	-	12.721.973.247	-
			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	424.200.000
Phải trả người bán	-	-	542.298.550	26.842.729
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	20.609.582	471.305.288
Tổng cộng	-	-	562.908.132	922.348.017

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST
 HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015			
Tiền	4.677.747.363	-	4.677.747.363
Phải thu khách hàng, phải thu khác	563.200.000	-	563.200.000
Các khoản cho vay	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Tổng cộng	5.240.947.363	7.000.000.000	12.240.947.363
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015			
Phải trả người bán	542.298.550	-	542.298.550
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20.609.582	-	20.609.582
Tổng cộng	562.908.132	-	562.908.132
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.678.039.231	7.000.000.000	11.678.039.231
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015			
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.249.800.964	-	5.249.800.964
	7.472.172.283	-	7.472.172.283
Tổng cộng	12.721.973.247	-	12.721.973.247
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015			
Vay và nợ	424.200.000	-	424.200.000
Phải trả người bán	26.842.729	-	26.842.729
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	471.305.288	-	471.305.288
Tổng cộng	922.348.017	-	922.348.017
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.799.625.230	-	11.799.625.230

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Chúng tôi đã thực hiện phân loại lại chỉ tiêu mã số 138 - Các khoản phải thu khác và chỉ tiêu mã số 319 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác trên báo cáo tài chính theo như Thuyết minh số 6 - Các khoản phải thu khác. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

Trong năm 2015 Công ty có thực hiện điều chỉnh hồi tố khấu hao lũy kế trích thiếu từ những năm trước, theo đó một số chỉ tiêu ảnh hưởng bởi bút toán điều chỉnh hồi tố được trình bày như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Giá trị hao mòn lũy kế	(665.685.199)	(979.126.655)	(1.644.811.854)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(6.701.016.739)	(979.126.655)	(7.680.143.394)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014			
Chi phí hoạt động kinh doanh	181.326.160	14.726.634	196.052.794
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014			
Khấu hao tài sản cố định	-	14.726.634	14.726.634



Trần Minh Tuấn
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Bích
Phụ trách kế toán

Vũ Thị Bích
Người lập biểu